

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Thu

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà [Mai Thị Lan P](#), sinh năm 1990;

Địa chỉ: [Tổ H ấp P, xã P, huyện L \(nay là huyện L\), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#).
(có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông [Huỳnh Thanh H](#), sinh năm 1987;

Địa chỉ: [Tổ A, ấp L, xã P, huyện L \(nay là huyện L\), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#).
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2024; bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Mai Thị Lan P trình bày:

Về hôn nhân: Bà P và ông H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đang ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01/2010 ngày 07/5/2010 tại UBND xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thanh P1, sinh ngày 20/01/2011 và Huỳnh Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/10/2015. Ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thanh P1 và giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của ông H.

Tại phiên tòa:

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông H vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà [Mai Thị Lan P](#) yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông [Huỳnh Thanh H](#) nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn ông [H](#) có địa chỉ cư trú tại [huyện L](#) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bà [P](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, ông [H](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà [P](#) và ông [H](#) tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đang ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01/2010 ngày 07/5/2010 tại [UBND xã P, huyện L \(nay là huyện L\), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại [ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề trong cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên bà [P](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông [H](#).

Kết quả xác minh cho thấy: Bà [P](#) và ông [H](#) có đăng ký kết hôn và sinh sống tại [ấp P, xã P, huyện L \(nay là huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu\)](#). Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm rõ.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông [H](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân ông [H](#) không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà [P](#) và ông [H](#) là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà [P](#) đối với ông [H](#).

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà P và ông H có 02 con chung tên Huỳnh Thanh P1, sinh ngày 20/01/2011 và Huỳnh Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/10/2015. Ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thanh P1 và giao cháu Huỳnh Ngọc Bảo A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy: Hiện cháu P1 đang ở với bà P và cháu A ở với ông H. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập và căn cứ vào nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà P, giao cháu P1 cho bà P và giao cháu A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Mai Thị Lan P ly hôn ông Huỳnh Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Thanh P1, sinh ngày 20/01/2011 cho bà Mai Thị Lan P và giao con chung Huỳnh Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/10/2015 cho ông Huỳnh Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: [Mai Thi Lan P](#) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà [P](#) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003805, ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là [huyện L](#)), [tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#). Bà [P](#) đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Đất;
- THADS huyện Long Đất;
- UBND xã Phước Hưng
(GCNKH số 67, quyền số 01/2010
ngày 07/5/2010);
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình

